

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BH
TỈNH ĐN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **55/2021/DS-ST**

Ngày: 19-11-2021

V/v “*Đòi lại tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA- TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Q.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn C.

2. Bà Thiều Thị Phi L.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn L – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 833/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2021/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 699/2021/QĐST- DS ngày 09/7/2021, Thông báo số: 505/TB-TA ngày 26/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng NN VÀ PT NT.**

Địa chỉ: Số 2, Láng Hạ, phường TC, quận BD, thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th – Chức vụ: Tổng giám đốc AB

Đại diện theo ủy quyền: Ông Giáp Hà Tr – Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng NN VÀ PT NT – Chi nhánh CL, KH (Văn bản ủy quyền ngày 18/12/2020).

Địa chỉ: Số 388 TC, Thị trấn CD, huyện CL, tỉnh KH.

- Bị đơn: **Công ty TNHH TA.**

Địa chỉ: Số 02A, khu phố 4, cư xá PH, phường TP, TP. BH, tỉnh ĐN.

Đại diện theo pháp luật: Ông TAT; Chức vụ: Giám đốc.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **Công ty TNHH DH.**

Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 04, ngõ 41, phố TM, phường GB, quận BD, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PVD – Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy L1 – Chức vụ: Nhân viên kết toán dự án (Văn bản ủy quyền ngày 19/12/2020).

Địa chỉ: Lô D9B, khu 3, xã CHĐ, huyện CL, tỉnh KH.

(Ông Tr có đơn xin xét xử vắng mặt; Công ty TNHH TA vắng mặt không có lý do; ông L có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện; bản tự khai; biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải Ngân hàng NN VÀ PT NT đại diện theo ủy quyền ông Giáp Hà Tr trình bày:

Vào ngày 07/02/2018 tại Ngân hàng NN VÀ PT NT - chi nhánh CL (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) xảy ra vụ việc do nhân viên ngân hàng có sai sót nghiệp vụ nên đã chuyển nhầm 02 lần đối với số tiền 361.443.403 đồng/lần (lúc 10 giờ 00 phút và lúc 14 giờ 30 phút) cho Công ty TNHH TA (gọi tắt Công ty TA) với tổng số tiền chuyển là 722.886.806 đồng. Sau khi phát hiện, lãnh đạo ngân hàng đã liên hệ với Chi nhánh Công ty TNHH DH – CR (gọi tắt Công ty DH), Công ty TA đề thu hồi lại số tiền do đã chuyển nhầm số tiền 361.443.403 đồng nhưng do tại thời điểm này trùng với dịp tết nguyên đán nên sự việc liên lạc để được hỗ trợ thông tin gặp khó khăn trong một thời gian.

- Ngày 10/02/2018 AB chi nhánh CL có biên bản làm việc với Công ty DH xác nhận vụ việc chuyển tiền nhầm lẫn do lỗi của nhân viên Ngân hàng và cam kết nếu Công ty TA không hoàn lại số tiền thì chậm nhất 31/3/2018 Ngân hàng sẽ hoàn trả lại số tiền cho Công ty DH, đồng thời yêu cầu Công ty DH giữ lại và thông báo cho AB chi nhánh CL trước khi thanh toán số tiền bảo hành công trình cho Công ty TA.

- Ngân hàng đã có 03 văn bản gửi ông TAT Giám đốc Công ty TA yêu cầu hoàn trả một số tiền chuyển nhầm nhưng ông TAT đều không trả lời dù đã nhận văn bản bản. Trong thời gian này, Cơ quan Điều tra Công an huyện CL đã hỗ trợ tìm kiếm và đến ngày 15/03/2018 mới liên lạc với ông TA. Sau đó, ông TAT chấp nhận làm việc vào ngày 19/03/2018 tại Công ty Luật Trung Hải tại TP.HCM làm đại diện và cam kết có chứng từ thực hiện chuyển nhầm do lỗi của AB chi nhánh CL sẽ thực hiện chuyển trả lại.

Ngày 19/03/2018, kết quả cuộc họp là AB chi nhánh CL đã cung cấp đầy đủ chứng từ nhưng ông TAT vẫn không trả lại số tiền do việc AB chi nhánh CL chuyển nhầm và ông TAT có yêu cầu có cuộc gặp giữa 03 bên do Ngân hàng sắp xếp để xác định sự việc rồi mới chấp nhận giải quyết.

Ngày 28/03/2018, các bên đã có mặt tại AB chi nhánh CL, sau khi làm việc ông TAT vẫn vẫn không hoàn trả số tiền với lý do cần đối chiếu công nợ với Công ty DH. Ngày 31/03/2018 AB chi nhánh CL tiến hành hoàn trả số tiền chuyển nhầm cho công Công ty DH. Việc ông Tuấn cho rằng Công ty TA cần đối chiếu công nợ với công ty DH không liên quan đến vụ nhân viên ngân hàng sai sót đã chuyển nhầm thành 02 lần tiền. Mặc dù nhiều lần liên lạc nhưng kết quả đến nay vẫn không khả quan và Công ty TA vẫn không hợp tác để trả lại số tiền chuyển nhầm cho Ngân hàng.

Ngân hàng NN VÀ PT NT yêu cầu Tòa án tuyên giải quyết như sau: Buộc Công ty TNHH TA hoàn trả số tiền 361.443.403 đồng (Bằng chữ: ba trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm lẻ ba đồng) cho Ngân hàng NN VÀ PT NT.

Bị đơn Công ty TNHH TA đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH DH- đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Huy L1 trình bày:

Ngày 07/8/2018 chi nhánh Công ty TNHH DH – CR lập duy nhất 01 uỷ nhiệm chi từ tài khoản số 4706021002593 mở tại AB chi nhánh huyện CL, tỉnh KH chuyển vào tài khoản 470020111570 của Công ty TNHH TA mở tại AB chi nhánh tỉnh KH số tiền là: 361.443.403 đồng để thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH TA. AB chi nhánh huyện CL, KH đã thực hiện hạch toán và trừ từ tài khoản của Công ty chúng tôi 02 lần cùng một số tiền là 361.443.403 đồng. AB chi nhánh huyện CL xác nhận phía Ngân hàng AB đã sai sót khi thực hiện giao dịch trừ 02 lần tiền trên. Ngày 31/3/2018 AB Chi nhánh huyện CL, KH đã hoàn trả lại đúng số tiền 361.443.403 đồng vào tài khoản 4706201002593 của chi nhánh Công ty TNHH DH – CR. Công ty TNHH DH không có ý kiến gì về việc Ngân hàng NN VÀ PT NT khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH TA trả lại số tiền 361.443.403 đồng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BH:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH TA trả lại cho Ngân hàng NN VÀ PT NT số tiền 361.443.403 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm lẻ ba đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho Công ty TNHH TA đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Anh Tuấn nhưng Công ty TA không đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiến tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, các phiên tòa xét xử; Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Giáp Hà Tr, đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Huy L1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều

207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với Công ty TNHH TA, ông Tr, ông L.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH TA có địa chỉ tại thành phố Biên Hoà, tỉnh ĐN. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BH, tỉnh ĐN.

[3] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Đòi lại tài sản”.

[4] Về tư cách đương sự: Căn cứ khoản 2 Điều 68 xác định Ngân hàng NN VÀ PT NT là nguyên đơn; Công ty TNHH TA là bị đơn; Công ty TNHH DH là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không làm việc được với Công ty TA nhưng căn cứ vào chứng cứ giấy Ủy nhiệm chi cho thấy vào lúc 10 giờ 00 phút và 14 giờ 30 phút cùng ngày 07/02/2020 Ngân hàng đã chuyển 02 lần tiền đối với số tiền 361.443.403 đồng từ tài khoản số 4706021002593 của Công ty DH mở tại AB chi nhánh huyện CL, tỉnh KH chuyển vào tài khoản 470020111570 của Công ty TNHH TA mở tại AB chi nhánh tỉnh KH để thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH TA là có thật. Công ty DH cũng thừa nhận chỉ lập duy nhất 01(một) ủy nhiệm chi từ tài khoản số 4706021002593 mở tại AB chi nhánh huyện CL, tỉnh KH chuyển vào tài khoản 470020111570 của Công ty TNHH TA mở tại AB chi nhánh tỉnh KH số tiền là: 361.443.403 đồng để thanh toán tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH TA và Ngân hàng đã thực hiện hạch toán và trừ từ tài khoản của Công ty DH 02 lần cùng một số tiền là 361.443.403 đồng. Trong quá trình xảy việc chuyển nhằm tiền thì Ngân hàng, Công ty TA, Công ty DH đã làm việc với nhau và Công ty TA cũng thừa nhận có việc chuyển nhằm tiền của Ngân hàng cho Công ty TA thông qua việc ủy nhiệm chi của Công ty DH. Việc Công ty TA không trả lại tiền chuyển nhằm cho Ngân hàng vì cho rằng cần đối chiếu công nợ với công ty DH đó là việc riêng của hai Công ty không liên quan đến việc nhân viên chuyển nhằm tiền cho Công ty TA. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã niêm yết chứng cứ khởi kiện và các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng Công ty TA vẫn không có ý kiến phản hồi, do vậy nên xem như Công ty TA đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa việc Ngân hàng chuyển nhằm tiền vào số tài khoản của Công ty TA. Do đó Ngân hàng yêu cầu Công ty TA trả cho Ngân hàng số tiền 361.443.403 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm lẻ ba đồng) là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Ngân hàng không yêu cầu tính lãi suất là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN VÀ PT NT

buộc Công ty TNHH TA phải trả cho Ngân hàng số tiền là 361.443.403 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm lẻ ba đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Công ty TNHH TA phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.072.000 đồng (Mười tám triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng).

[7] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát và đương sự:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- Xét yêu cầu của Ngân hàng NN VÀ PT NT phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 166 và Điều 429, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng NN VÀ PT NT.

Buộc Công ty TNHH TA phải trả cho Ngân hàng NN VÀ PT NT số tiền là 361.443.403 đồng (Ba trăm sáu mươi một triệu bốn trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm lẻ ba đồng).

2. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hết các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH TA phải 18.072.000 đồng (Mười tám triệu không trăm bảy mươi hai ngàn đồng) án phí sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng NN VÀ PT NT, số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.036.000 đồng (Chín triệu không trăm ba mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai số 0007693 ngày 08/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BH).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND TP. BH (02);
- Chi cục THADS TP. BH (01);
- Các đương sự (4);
- Lưu HS-VP (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Q